

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh  
Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020, có xét đến năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, ngày 25 tháng 5 năm 2017, của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT, ngày 31 tháng 8 năm 2017, của Bộ Công Thương, về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 7947/BCT-CTĐP, ngày 01 tháng 10 năm 2018, của Bộ Công Thương, về việc thỏa thuận điều chỉnh quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp đến năm 2020, có xét đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 322/TTr-SCT ngày 09 tháng 10 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020, có xét đến năm 2025 (kèm theo điều chỉnh quy hoạch), với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Quan điểm phát triển**

- Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp (CCN) tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, xét đến năm 2025 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát công nghiệp, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển đô thị, các khu dân cư và các quy hoạch chuyên ngành khác trên địa bàn tỉnh.



- Phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, gắn liền với sự hình thành và phát triển của các cụm công nghiệp (CCN) tập trung. Việc phát triển các CCN tập trung có mục tiêu là tạo ra các điều kiện hạ tầng cơ sở và cơ chế, chính sách thuận lợi nhất cho mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh cùng tham gia vào tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa của tỉnh.

- Tập trung đầu tư có trọng điểm công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm, khoáng sản; các ngành nghề công nghiệp phục vụ nông, lâm, nghiệp. Những ngành nghề có thể thúc đẩy khu vực kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ.

- Tăng cường đổi mới công tác quản lý nhà nước về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thông qua việc định hướng đầu tư, phát triển thị trường và xây dựng các chính sách, chế độ, môi trường ưu đãi đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thực sự hấp dẫn và khơi dậy tính năng động trong các hoạt động đầu tư và sản xuất công nghiệp của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

- Phát triển các CCN theo hướng tổ chức phân bố lại các cơ sở sản xuất công nghiệp một cách hài hòa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng lãnh thổ; giải quyết đầu ra, nâng cao giá trị cho sản phẩm nông, lâm nghiệp và khoáng sản, giải quyết lao động của nông thôn, góp phần rút ngắn khoảng cách chênh lệch về kinh tế giữa các vùng lãnh thổ và chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp cư dân trên địa bàn.

- Các CCN cần được quy hoạch riêng biệt với các khu dân cư và bố trí tại các địa điểm có kết cấu hạ tầng thuận lợi, gắn với vùng nguyên liệu và nguồn lao động, có điều kiện xử lý và bảo vệ môi trường, đảm bảo cho công nghiệp phát triển có hiệu quả và bền vững.

## **2. Mục tiêu phát triển**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Tăng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, là một bộ phận của định hướng quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành theo từng thời kỳ, giai đoạn của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống CCN đồng bộ về hệ thống hạ tầng, có quy chế quản lý phù hợp, phát huy được lợi thế và nguồn lực của địa phương, nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả, giảm ô nhiễm môi trường, thúc đẩy phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

- Việc xây dựng mới các CCN hay mở rộng quy mô CCN từ hạt nhân là các cơ sở sản xuất có sẵn, trong đó chú trọng các hoạt động bảo vệ môi trường. Theo đó, các cơ sở sản xuất trong CCN phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có cam kết bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật; từng bước đầu tư hệ thống xử lý chất thải đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường hiện hành.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, phát triển tổng số 14 CCN, tổng diện tích là 607,97ha. Trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2020: Phát triển 06 CCN với tổng diện tích 235 ha; tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng đạt 2.068 tỷ đồng và tạo việc làm cho khoảng 17.625 lao động; phần đầu 03 CCN đạt tỷ lệ lấp đầy trên 60%, tỷ lệ lấp đầy bình quân trên địa bàn tỉnh của các CCN còn lại là 40 đến 50%; tổng giá trị sản xuất công nghiệp của các CCN ước tính từ 52 triệu USD đến 105 triệu USD/năm, bằng 1,9% đến 3,9% so với mục tiêu về tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh đến năm 2020.

- Xét đến năm 2025: Tiếp tục phát triển 08 CCN và mở rộng CCN Vĩnh Hòa Hưng Nam (giai đoạn 2), với tổng diện tích là 372,97 ha.

## 3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

### 3.1. Giai đoạn 2016 - 2020

#### 3.1.1. Cụm công nghiệp Hà Giang, thị xã Hà Tiên

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Hà Giang.

b) Quy mô: 50ha.

c) Vị trí: Xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Công nghiệp chế biến thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trong đô thị vào CCN.

e) Tổng mức đầu tư: 440 tỷ đồng.

#### 3.1.2. Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam (giai đoạn 1), huyện Gò Quao

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam.

b) Quy mô: 30ha.

c) Vị trí: Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến nông, lâm, thủy hải sản; công nghiệp cơ khí phục vụ nông, lâm, đánh bắt hải sản, giao thông vận tải.v.v...; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 264 tỷ đồng.

3.1.3. Cụm công nghiệp Đông Bắc Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Đông Bắc Vĩnh Hiệp.

b) Quy mô: 45ha.

c) Vị trí: Phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa tàu thuyền; chế biến thực phẩm và đồ uống, nông thủy hải sản phục vụ nhu cầu tại chỗ và đặc khu kinh tế Phú Quốc; chế biến gỗ; công nghiệp hỗ trợ; di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong đô thị vào CCN.

e) Tổng mức đầu tư: 396 tỷ đồng.

3.1.4. Cụm công nghiệp Bình An, huyện Châu Thành.

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Bình An.

b) Quy mô diện tích: 30ha.

c) Vị trí: Xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Cơ khí chế tạo và sửa chữa; chế biến thực phẩm và đồ uống, nông thủy hải sản; chế biến gỗ; may mặc; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 264 tỷ đồng.

3.1.5. Cụm công nghiệp Bình Sơn, huyện Hòn Đất

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Bình Sơn.

b) Quy mô dự kiến: 50ha.

c) Vị trí: Xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến nông – lâm - thủy sản; phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống; sản xuất sản phẩm không có mùi; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 440 tỷ đồng.

3.1.6. Cụm công nghiệp Đông Hưng B, huyện An Minh.

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Đông Hưng B.

b) Quy mô: 30ha.

c) Vị trí: Xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Chế biến thủy sản, nước đá; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; công nghiệp cơ khí; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 264 tỷ đồng.

3.2. Xét đến năm 2025

3.2.1. Cụm công nghiệp Thạnh Phú, huyện An Minh

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Thạnh Phú.

b) Quy mô: 50 ha.

c) Vị trí: Xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Chế biến thủy sản, nước đá; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; công nghiệp cơ khí; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 440 tỷ đồng

3.2.2. Cụm công nghiệp Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Tân Hiệp.

b) Quy mô: 30ha.

c) Vị trí: Xã Tân Hiệp A và Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Chế biến lương thực, thực phẩm; cơ khí sửa chữa; chế biến thức ăn gia súc; may mặc; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 264 tỷ đồng.

3.2.3. Cụm công nghiệp Kiên Lương, huyện Kiên Lương

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Kiên Lương.

b) Quy mô: 50ha.

c) Vị trí: Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Sản xuất hàng thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng truyền thống của địa phương phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu; công



ng nghiệp chế biến nông sản, thủy sản; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ đặc khu kinh tế Phú Quốc; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 440 tỷ đồng.

#### 3.2.4. Cụm công nghiệp Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Thạnh Hưng.

b) Quy mô: 50ha.

c) Vị trí: Xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và thực phẩm; công nghiệp cơ khí, ngành nghề truyền thống; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu xây dựng; may mặc; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 440 tỷ đồng.

#### 3.2.5. Cụm công nghiệp Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Vĩnh Phong.

b) Quy mô: 50ha.

c) Vị trí: Xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến lương thực, thực phẩm, nông thủy sản; công nghiệp cơ khí; công nghiệp hỗ trợ; sản xuất hàng tiêu dùng để phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ và lân cận.

e) Tổng mức đầu tư: 440 tỷ đồng.

#### 3.2.6. Cụm công nghiệp Long Thạnh, huyện Giồng Riềng

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Long Thạnh.

b) Quy mô: 32ha.

c) Vị trí: Xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và thực phẩm; công nghiệp cơ khí, ngành nghề truyền thống; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; may mặc; công nghiệp hỗ trợ; sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ và vùng lân cận.

e) Tổng mức đầu tư: 282 tỷ đồng.

#### 3.2.7. Cụm công nghiệp sản xuất nước mắm Khu II, huyện Phú Quốc.

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp sản xuất nước mắm Khu II.



b) Quy mô: 20,65 ha.

c) Vị trí: Thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Làng nghề sản xuất nước mắm tập trung điển hình của Phú Quốc kết hợp đóng chai trưng bày, giới thiệu sản phẩm.

e) Tổng mức đầu tư: 182 tỷ đồng.

3.2.8. Cụm công nghiệp Hàm Ninh, huyện Phú Quốc.

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Hàm Ninh.

b) Quy mô: 59,16ha.

c) Vị trí: Xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống; sản xuất chế biến thực phẩm; chế biến thủy sản; đóng tàu thuyền và sửa chữa; sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 521 tỷ đồng.

3.2.9. Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam (giai đoạn 2), huyện Gò Quao.

a) Tên CCN: Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam.

b) Quy mô: 31,16ha.

c) Vị trí: Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

d) Tính chất: Sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến lương thực, thực phẩm, thủy hải sản; công nghiệp cơ khí phục vụ nông, lâm, đánh bắt hải sản, giao thông vận tải; công nghiệp hỗ trợ.

e) Tổng mức đầu tư: 274 tỷ đồng.

#### **4. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

##### **4.1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển hạ tầng CCN**

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN được vay vốn ưu đãi từ ngân hàng theo tiến độ của dự án. Đổi mới thủ tục để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn được nhanh chóng, hiệu quả; hỗ trợ vốn từ ngân sách của Trung ương và tỉnh cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) chậm phát triển.

- Hình thành và phát triển quỹ tín dụng, mở rộng các hình thức vay tín dụng, thuê chấp hình thành từ vốn vay, cho thuê tài sản; tăng cường cho vay các dự án trung và dài hạn; thành lập các quỹ hỗ trợ, bảo lãnh tín dụng thông qua các hiệp hội ngành nghề; xây dựng quỹ khuyến công để hỗ trợ cho các hoạt động phát triển CN-TTCN.

- Phát huy nội lực của tỉnh kết hợp với việc kêu gọi đầu tư từ các nguồn trong nước và quốc tế. Tranh thủ các nguồn vốn tín dụng, vốn vay ODA, FDI và các nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế. Sử dụng các chính sách ưu đãi, miễn, giảm thuế không vi phạm các cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) để khuyến khích đầu tư; thực hiện chuyển dịch cơ cấu đầu tư tập trung vào các dự án, các ngành công nghiệp mũi nhọn, các sản phẩm chủ yếu có khả năng xuất khẩu.

#### 4.2. Giải pháp tạo quỹ đất sạch cho phát triển CCN

- Hỗ trợ nhà đầu tư hạ tầng thực hiện thủ tục và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; tạo sẵn quỹ đất sạch khi nhà đầu tư bắt đầu triển khai các bước chuẩn bị đầu tư.

- Hỗ trợ, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để tái định cư với người dân khi phải di dời để phát triển CCN; xây dựng tốt phương án hỗ trợ đối với người dân và phải thực hiện song song với xây dựng phương án hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để thu hút chính lực lượng lao động này vào làm việc trong CCN.

#### 4.3. Giải pháp thu hút đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng CCN

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi về môi trường đầu tư linh hoạt, thông thoáng cho mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh tham gia các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN và các dự án đầu tư phát triển sản xuất CN - TTCN vào CCN trên địa bàn tỉnh.

- Tạo môi trường đầu tư thông thoáng và thuận lợi, đặc biệt là công tác thủ tục; quan tâm đối với các nhà đầu tư ngay ở giai đoạn đầu thực hiện dự án, nhằm tạo niềm tin để thu hút thêm những nhà đầu tư mới, cũng như củng cố niềm tin của nhà đầu tư hiện hữu.

- Hỗ trợ nhà đầu tư sau khi dự án được cấp phép, bao gồm: Giải quyết thủ tục điều chỉnh giấy phép đầu tư, thủ tục giao nhận mặt bằng, giấy phép xây dựng, đấu



thầu, ưu đãi đầu tư...; công tác tuyển dụng nguồn nhân lực, hỗ trợ tiếp cận các tổ chức tín dụng, các thông tin kinh tế - xã hội có liên quan; tư vấn lập dự án cho nhà đầu tư.

#### 4.4. Giải pháp phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trong và ngoài CCN

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN được vay vốn ưu đãi từ ngân hàng theo tiến độ của dự án. Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng CCN, do các nhà đầu tư tự bỏ vốn đầu tư xây dựng, quản lý, cho thuê hạ tầng theo quy định pháp luật.

- Hỗ trợ vốn từ ngân sách của Trung ương và tỉnh cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và CN - TTCN chậm phát triển. Hỗ trợ tài chính, tín dụng cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn tạo động lực phát triển như các vùng nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu, các dự án có hiệu quả kinh tế cao.

- Đẩy mạnh đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường giao thông, cảng nước sâu, điện, nước, thông tin liên lạc...) tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và giao thương hàng hóa với các vùng kinh tế lớn của cả nước và thị trường thế giới.

#### 4.5. Giải pháp thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp vào CCN

- Hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào để các doanh nghiệp yên tâm đầu tư sản xuất; khuyến khích môi trường sản xuất linh hoạt, thông thoáng cho mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh tham gia các dự án đầu tư phát triển sản xuất CN - TTCN vào CCN trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất giải quyết thủ tục hành chính, giao nhận mặt bằng sản xuất, giấy phép xây dựng, đấu thầu xây dựng, tuyển dụng nguồn nhân lực, tiếp cận các tổ chức tín dụng, các thông tin kinh tế - xã hội có liên quan, tạo lập môi trường dịch vụ công nghiệp đồng bộ.

- Áp dụng triệt để các chính sách của nhà nước đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ (CNHT), đặc biệt cả vấn đề nhà ở cho công nhân.

#### 4.6. Giải pháp liên kết phát triển CCN

- Khuyến khích thành lập hiệp hội ngành nghề đồng thời với việc nâng cao hoạt động của các hiệp hội nhằm cung cấp và chia sẻ thông tin lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong CCN và giữa các CCN với nhau; đẩy mạnh liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học..., để hợp tác và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, đào tạo những ngành nghề đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, góp phần mang lại hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến theo hướng tập trung vào chương trình vận động theo từng đối tác, lĩnh vực hoặc dự án cụ thể, theo tiêu chí gia tăng quy mô vốn đầu tư trên dự án và diện tích, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường và đa dạng hóa quốc gia vùng lãnh thổ đầu tư.

#### 4.7. Giải pháp đổi mới công tác quản lý nhà nước về CCN

- Cụ thể hóa các quy định quản lý nhà nước của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương, đồng thời có sự phối hợp toàn diện và tích cực trong việc hỗ trợ, tháo gỡ các vướng mắc cho các nhà đầu tư triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền quản lý các CCN cho chính quyền địa phương các cấp theo hướng đơn giản, hiệu quả bền vững. Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt ở các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp như: Thuế, quản lý môi trường, lao động, xuất khẩu...

- Đẩy mạnh việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào hoạt động quản lý nhà nước.

#### 4.8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Lựa chọn, áp dụng công nghệ tiên tiến hợp lý, có thể sử dụng công nghệ nhiều tầng (các thể hệ công nghệ), phù hợp với tính chất và quy mô dự án nhưng phải đảm bảo có hiệu quả tổng hợp kinh tế - xã hội - môi trường;

- Đẩy mạnh áp dụng sản xuất sạch hơn; phương thức sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm thiểu phát thải (nhất là khí nhà kính); phát

triển sản xuất, sử dụng năng lượng sạch và tái tạo; xanh hóa từ sản xuất đến tiêu dùng hàng công nghiệp;

- Tiến hành đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các CCN hiện có và các cơ sở sản xuất; kiểm kê các nguồn gây ô nhiễm; định kỳ quan trắc, phân tích thành phần các chất thải độc hại; hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư vốn, bố trí nhân lực cho công tác quan trắc, thanh tra, quản lý môi trường...; các dự án đầu tư phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi cấp phép đầu tư xây dựng... Đối với những dự án, nhà máy đã được cấp phép đầu tư xây dựng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường định kỳ theo quy định;

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện có tại các CCN; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để doanh nghiệp và nhân dân hiểu rõ và cùng thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường; tôn vinh, khen thưởng hoặc xử lý khi cần thiết.

#### 4.9. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Ưu tiên triển khai các dự án, công trình phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, lũ lụt, hạn hán, xói lở bờ biển, xâm nhập mặn do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Tập trung cho các chương trình, dự án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, củng cố nâng cấp các đoạn đê biển; nâng cấp mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV) để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm các điều kiện khí hậu cực đoan do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH).

- Đồng bộ các giải pháp chủ động phòng, tránh, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với các vùng ven biển; nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tái cấu trúc kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, phát thải ít các-bon.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân nhận thức đúng, không bị động, không bị hoang mang trước ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu để chủ động thích ứng. Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; nâng cao trách nhiệm và năng lực cho cán bộ các cấp trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.



- Quy hoạch các CCN đảm bảo sự đồng bộ với các giải pháp đối phó với BĐKH tổng thể của tỉnh. Khi tiến hành các bước tiếp theo cần chú trọng các giải pháp về san nền, thoát nước và phối hợp với địa phương để có các giải pháp đồng bộ ứng phó với BĐKH, phù hợp với từng địa bàn và giải pháp tổng thể đã có.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch**

### **1. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố: Lập quy hoạch tổng thể, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển các CCN trên địa bàn theo từng thời kỳ sát hợp với tình hình thực tế của địa phương; tiến hành tổ chức, triển khai công tác lập quy hoạch chi tiết các CCN theo kế hoạch hàng năm và 5 năm, trình UBND tỉnh phê duyệt. Thẩm định thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng trong CCN và các công trình khác có liên quan theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan đến lĩnh vực công nghiệp; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, các quy định, chính sách của nhà nước liên quan đến phát triển cụm công nghiệp; đánh giá hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; thực hiện chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong nước về phát triển cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong việc đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn việc xác định các danh mục ngành nghề công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, khuyến khích ưu đãi, hỗ trợ thu hút các ngành nghề truyền thống đầu tư vào các CCN.

- Hỗ trợ UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện và quản lý nhà nước về CCN; đề xuất, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương quy định có liên quan đến phát triển CCN; quản lý hoạt động của các doanh nghiệp trong CCN theo thẩm quyền; tổ chức

quản lý chất lượng sản phẩm công nghiệp và an toàn công nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên theo dõi nắm bắt, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của các CCN trên địa bàn tỉnh và báo cáo kịp thời về Bộ Công Thương (Cục Công nghiệp địa phương), UBND tỉnh định kỳ và đột xuất.

## **2. Sở Tài chính**

- Bảo đảm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước Trung ương, địa phương cho công tác lập quy hoạch tổng thể, lập quy hoạch chi tiết cũng như đầu tư hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh đúng theo tiến độ và thời gian quy định.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan: Xây dựng, đề xuất và trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản về cơ chế, chính sách tài chính (thuế, phí, lệ phí...) để tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào CCN và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong CCN; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách hàng năm hỗ trợ đầu tư hạ tầng trong CCN; hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương và địa phương cho công tác đầu tư hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh có hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cân đối nguồn kinh phí để bố trí đầu tư trong và ngoài hàng rào CCN từ nguồn hỗ trợ của Trung ương và địa phương theo đúng tiến độ và thời gian tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các CCN.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong xây dựng quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành có liên quan trong từng thời kỳ.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách cấp đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng CCN trong kế hoạch hàng năm và trung hạn; tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các CCN; là cơ quan đầu mối trong việc kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào các CCN.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cơ chế, chính sách và khuyến khích ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, góp phần đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện phát triển các CCN đúng theo tiến độ và thời gian quy định; cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các cơ sở sản xuất CN - TTCN; đồng thời cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **4. Sở Xây dựng**

- Chỉ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tiến hành xây dựng và hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc lập quy hoạch chi tiết và tổ chức thẩm định quy hoạch chi tiết đối với các CCN trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tham gia xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển các CCN, quy hoạch xây dựng các khu nhà ở cho công nhân trong phạm vi toàn tỉnh.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nếu được ủy quyền, phê duyệt các quy hoạch chi tiết các CCN. Thẩm định thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng trong CCN và các công trình có liên quan đến các CCN theo phân cấp và quy hoạch của nhà nước.

#### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và mục đích sản xuất CN - TTCN cho các CCN theo đăng ký sử dụng đất của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất CN - TTCN. Đồng thời, tiến hành công tác đo đạc, lập bản đồ chi tiết cần thiết phục vụ cho công tác xây dựng các CCN.

- Chủ trì trong việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch phát triển các CCN đến năm 2020, có xét đến năm 2025. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, vị trí, diện tích của CCN dự kiến thành lập, phát triển, mở rộng CCN. Thực hiện việc rà soát, đánh giá công tác quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp; thẩm định các báo cáo ĐTM tại các CCN; thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức sử dụng đất trong CCN, trình UBND tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện. Ký hợp đồng thuê đất, hoàn thiện hồ

sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho tổ chức sử dụng đất trong CCN.

- Là cơ quan đầu mối, giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong các CCN; thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Sau khi quy hoạch CCN được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với Sở Công Thương và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành kiểm tra xác định mức độ gây ô nhiễm của các cơ sở sản xuất CN - TTCN để phân loại và xác định thứ tự trước sau phải di dời các cơ sở sản xuất đang hoạt động tại các khu vực dân cư vào các CCN.

#### **6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện và các chủ đầu tư triển khai nhiệm vụ đào tạo nghề và giải quyết lao động việc làm, đặc biệt là bố trí sử dụng lao động trong diện bị thu hồi đất; chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động (nhất là về đơn giá, định mức, vệ sinh và an toàn lao động) theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đào tạo công nhân có tay nghề, chuẩn bị tốt nguồn lao động gắn với Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020, có xét đến năm 2025 sau khi được phê duyệt.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các sở, ban, ngành, doanh nghiệp trong xây dựng kế hoạch, chương trình, giáo trình đào tạo theo ba cấp trình độ, đảm bảo nguồn lao động có chất lượng đáp ứng cho nhu cầu phát triển CCN.

#### **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Là đầu mối gắn kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường trong và ngoài nước nghiên cứu để triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; triển khai các chương trình, dự án khoa học công nghệ (KH-CN); hỗ trợ các doanh nghiệp phát

triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong CCN áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO, HACCP..., nhằm nâng cao năng lực quản lý và chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học công nghệ; chỉ đạo và hỗ trợ các cấp địa phương quản lý nhà nước về khoa học công nghệ đối với các CCN trên địa bàn tỉnh.

**8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Phối hợp Sở Công Thương trong việc hỗ trợ phát triển làng nghề, hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất ô nhiễm di dời ra khỏi khu vực dân cư, làng nghề vào các CCN.

### **9. Sở Giao thông vận tải**

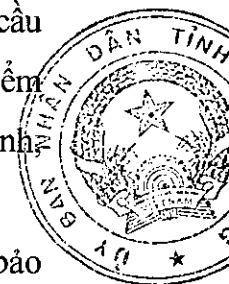
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các dự án về hạ tầng giao thông (đường, cầu cống...); hướng dẫn các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN; xây dựng các điểm đầu nối giao thông với hệ thống giao thông đối ngoại theo quy hoạch của ngành, đảm bảo an toàn giao thông.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải đảm bảo kết nối giữa các CCN với hệ thống giao thông công cộng. Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối với CCN.

### **10. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang**

- Đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư các dự án trọng điểm của tỉnh, đặc biệt là phát triển hệ thống giao thông đường bộ, cảng biển, cảng sông; cấp điện, cấp nước; xử lý chất thải rắn; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản xuất khẩu; phát triển các ngành công nghiệp sản xuất và công nghiệp hỗ trợ trong các cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp củng cố mối quan hệ với khách hàng truyền thống, khai thác tốt các thị trường hiện có; nắm bắt thông tin, chú trọng tìm kiếm khách hàng và thị trường mới trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai có hiệu quả các hội chợ, triển lãm, các phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, biên giới, hải đảo nhằm thực hiện





chủ trương của Bộ Chính trị “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Quảng bá, giới thiệu các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm truyền thống từ các cơ sở sản xuất CN - TTCN trên địa bàn tỉnh.

### **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo phòng ban chuyên môn trong việc thực hiện chức năng đầu mối, tham mưu giúp UBND huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với CCN; chịu trách nhiệm quản lý, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền quản lý đối với các CCN trên địa bàn; tham gia xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết phát triển các CCN trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã hỗ trợ thực hiện công tác lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tái định cư..., để nhanh chóng triển khai xây dựng CCN trên địa bàn. Chỉ đạo lập hồ sơ thành lập, mở rộng, bổ sung quy hoạch CCN trên địa bàn; chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng và tổ chức triển khai đầu tư xây dựng CCN trên địa bàn ngay sau khi được duyệt.

- Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng tiến hành lập quy hoạch chi tiết các CCN; tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch chi tiết gồm: Quy hoạch phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật, bố trí ngành nghề, giám sát thực hiện quy trình quy phạm, xây dựng các quy định về môi trường, môi sinh, lao động trong CCN; phối hợp với các chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các CCN (đối với các CCN có chủ đầu tư) và đề xuất, xác định nhu cầu về nhà ở cho công nhân, tổ chức lập, trình duyệt quy hoạch xây dựng nhà ở cho công nhân gắn với các CCN trên địa bàn.

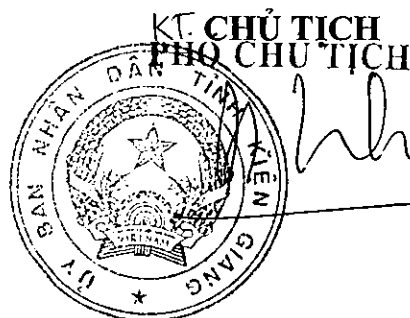
- Tổ chức quản lý và thực hiện các hoạt động dịch vụ, các hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất trong CCN; xây dựng và tổ chức thực hiện điều lệ quản lý các CCN; hỗ trợ vận động kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các dự án phát triển CN - TTCN vào các CCN.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 02 năm 2012, của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các cụm công nghiệp tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Công Thương địa phương;
- TT TU;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Công Báo tỉnh;
- Sở Công Thương;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu VT: nhsuong (01 bản).



**Mai Anh Nhịn**